

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *948*/STP-XD&KTVB

Tuyên Quang, ngày *16* tháng 10 năm 2017

V/v mời họp Hội đồng tư vấn thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Kính gửi: - Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Giao thông Vận tải;
- Sở Tài chính;
- Cục thuế tỉnh.

Căn cứ Điều 121 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Sở Tư pháp tổ chức họp Hội đồng tư vấn thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành và dự thảo Nghị quyết về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

1. Thành phần:

- Thành viên Hội đồng tư vấn thẩm định được thành lập theo Quyết định số 133/QĐ-STP ngày 16/10/2017 và Quyết định số 134/QĐ-STP ngày 16/10/2017 của Giám đốc Sở Tư pháp (có Quyết định gửi kèm theo).

- Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường (Cơ quan chủ trì soạn thảo dự thảo Nghị quyết về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang) cử đại diện Lãnh đạo và công chức có liên quan tham dự.

2. Thời gian, địa điểm: 14 giờ 00 phút ngày 18/10/2017, tại phòng họp tầng 2, Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang.

Sở Tư pháp đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Giao thông vận tải; Sở Tài chính cử đại diện tham gia Hội đồng tư vấn thẩm định dự họp. Đề nghị thành viên Hội đồng tư vấn thẩm định nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị ý kiến tư vấn thẩm định để phát biểu tại cuộc họp. Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đã tham mưu trình ban hành văn bản trong danh sách đề nghị bãi bỏ, đề nghị tham gia và chịu trách nhiệm đối với nội dung, văn bản do đơn vị tham mưu ban hành.

(Có Tài liệu họp tư vấn thẩm định gửi qua địa chỉ thư điện tử của Quý cơ quan và đăng tải trên trang <http://tuphaptuyenquang.gov.vn>, Mục xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản)

Trân trọng kính mời!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Giám đốc Sở;
- Văn phòng Sở (Chuẩn bị);
- Trang TTĐT STP;
- Lưu VT- XD&KTVB.(Lan.02b).



Nguyễn Thị Thuộc

Số: 133/QĐ-STP

Tuyên Quang, ngày 16 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP

Căn cứ Điều 121 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Điều 50 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Sở Tư pháp;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Xây dựng và Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành (*viết tắt là Hội đồng*), gồm các ông, bà có tên sau đây:

1. Bà Nguyễn Thị Thuộc - Giám đốc Sở Tư pháp – Chủ tịch Hội đồng.
2. Đại diện Sở Tài chính – thành viên Hội đồng.
3. Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường – thành viên Hội đồng.
4. Đại diện Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – thành viên Hội đồng.
6. Đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư – thành viên Hội đồng.
7. Đại diện Sở Giao thông Vận tải – thành viên Hội đồng.

8. Bà Trương Thị Lan - Chuyên viên phòng Xây dựng và Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp – thành viên, thư ký Hội đồng.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng

1. Nhiệm vụ của Hội đồng

Tư vấn thẩm định dự thảo văn bản, thống nhất kết quả thẩm định dự thảo văn bản và nêu rõ ý kiến về việc dự thảo văn bản đủ điều kiện hay không đủ điều kiện trình UBND tỉnh.

2. Quyền hạn của Hội đồng

Yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo trình bày nội dung cơ bản của dự thảo văn bản, chất vấn cơ quan chủ trì soạn thảo về các nội dung thẩm định theo quy định tại khoản 3 Điều 121 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, các vấn đề còn có ý kiến chưa rõ ràng, chưa thống nhất.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch, Thư ký, thành viên Hội đồng

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng

- a) Có trách nhiệm tổ chức, chủ trì cuộc họp của Hội đồng;
- b) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của Hội đồng;
- c) Quyết định các vấn đề còn có nhiều ý kiến khác nhau, chưa thống nhất.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký Hội đồng

- a) Chuyển hồ sơ thẩm định cho các thành viên Hội đồng;
- b) Ghi biên bản họp thẩm định, tổng hợp kết quả và xây dựng báo cáo thẩm định;
- c) Thực hiện các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng

- a) Nghiên cứu dự thảo văn bản trước khi tổ chức cuộc họp Hội đồng;
- b) Tham gia và cho ý kiến tư vấn thẩm định dự thảo văn bản; trường hợp không thể tham gia cuộc họp của Hội đồng phải được sự nhất trí của Chủ tịch Hội đồng và gửi Chủ tịch Hội đồng ý kiến của mình bằng văn bản;
- c) Thực hiện các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Ông, Bà có tên tại Điều 1, Trưởng Phòng Xây dựng và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và các phòng, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Sở;
- Các Sở: TC; TN&MT; NN&PTNT; KH&ĐT; GTVT
- Như Điều 4 (thực hiện);
- Trang TTĐT STP;
- Lưu VT, XD&KTVB.(Lan.02b).



Nguyễn Thị Thược

Số: 134/QĐ-STP

Tuyên Quang, ngày 16 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP

Căn cứ Điều 121 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Điều 50 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Sở Tư pháp;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Xây dựng và Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*viết tắt là Hội đồng*), gồm các ông, bà có tên sau đây:

1. Bà Nguyễn Thị Thược - Giám đốc Sở Tư pháp – Chủ tịch Hội đồng.
2. Đại diện Sở Tài chính – thành viên Hội đồng.
3. Đại diện Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – thành viên Hội đồng.
4. Đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư – thành viên Hội đồng.
5. Đại diện Sở Giao thông Vận tải – thành viên Hội đồng.
6. Bà Nguyễn Ngọc Loan - Chuyên viên phòng Xây dựng và Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp – thành viên, thư ký Hội đồng.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng

1. Nhiệm vụ của Hội đồng

Tư vấn thẩm định dự thảo văn bản, thống nhất kết quả thẩm định dự thảo văn bản và nêu rõ ý kiến về việc dự thảo văn bản đủ điều kiện hay không đủ điều kiện trình UBND tỉnh.

2. Quyền hạn của Hội đồng

Yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo trình bày nội dung cơ bản của dự thảo văn bản, chất vấn cơ quan chủ trì soạn thảo về các nội dung thẩm định theo quy định tại khoản 3 Điều 121 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, các vấn đề còn có ý kiến chưa rõ ràng, chưa thống nhất.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch, Thư ký, thành viên Hội đồng

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng

- a) Có trách nhiệm tổ chức, chủ trì cuộc họp của Hội đồng;
- b) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của Hội đồng;
- c) Quyết định các vấn đề còn có nhiều ý kiến khác nhau, chưa thống nhất.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký Hội đồng

- a) Chuyển hồ sơ thẩm định cho các thành viên Hội đồng;
- b) Ghi biên bản họp thẩm định, tổng hợp kết quả và xây dựng báo cáo thẩm định;
- c) Thực hiện các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng

- a) Nghiên cứu dự thảo văn bản trước khi tổ chức cuộc họp Hội đồng;
- b) Tham gia và cho ý kiến tư vấn thẩm định dự thảo văn bản; trường hợp không thể tham gia cuộc họp của Hội đồng phải được sự nhất trí của Chủ tịch Hội đồng và gửi Chủ tịch Hội đồng ý kiến của mình bằng văn bản;
- c) Thực hiện các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Ông, Bà có tên tại Điều 1, Trưởng Phòng Xây dựng và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và các phòng, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Sở;
- Các Sở: TC; NN&PTNT; KH&ĐT; GTVT;
- Sở TN&MT (để biết);
- Như Điều 4 (thực hiện);
- Trang TTĐT STP;
- Lưu VT, XD&KTVB.(Lan.02b).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thược

Số: /TTr-STP

Tuyên Quang, ngày tháng 10 năm 2017

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do
Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang

Sở Tư pháp kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

- Khoản 1 Điều 12 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định:

“1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên có thẩm quyền. Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản khác phải xác định rõ tên văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản bị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành.

Văn bản bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật phải được đăng Công báo, niêm yết theo quy định”.

- Khoản 1 Điều 111 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định:

“1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp căn cứ văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, tự mình hoặc theo đề xuất của cơ quan, tổ chức, đại biểu Hội đồng nhân dân, có trách nhiệm đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân để quy định chi tiết vấn đề được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên hoặc để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh”.

- Khoản 1 Điều 170 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định:

“1. Cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật; nếu phát hiện có quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội thì tự mình hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kịp thời đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật.

Cơ quan, tổ chức và công dân có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật”.

- Ngày 30/12/2015, Sở Tư pháp có Báo cáo số 244/BC-STP về kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành theo chuyên đề về cải cách hành chính, theo đó Sở Tư pháp đã đề xuất, kiến nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xử lý bằng hình thức bãi bỏ đối với 04 Nghị quyết có nội dung không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

- Ngày 17/11/2016, Sở Tư pháp có Báo cáo số 220/BC-STP về kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành quy định về phí, lệ phí thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, theo đó Sở Tư pháp đã đề xuất, kiến nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xử lý đối với 13 Nghị quyết có nội dung không còn phù hợp với quy định tại Luật phí và lệ phí.

- Ngày 14/6/2017, Sở Tư pháp có Báo cáo số 111/BC-STP về kết quả rà soát văn bản quy phạm do HĐND, UBND tỉnh ban hành nhiệm kỳ 2011-2016, theo đó Sở Tư pháp đã đề xuất, kiến nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xử lý bằng hình thức bãi bỏ đối với 09 Nghị quyết có nội dung không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Từ các vấn đề nêu trên, việc trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành là rất cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

II. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO

1. Cơ sở pháp lý để soạn thảo, trình ban hành văn bản, gồm:

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

- Điều 12 và Điều 170 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

2. Tình hình soạn thảo

- Căn cứ kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành, Sở Tư pháp tổ chức nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành, xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành (Tờ trình số 83/TTr-STP ngày 04/10/2017) và tổ chức soạn thảo dự thảo Nghị quyết.

- Ngày 05/10/2017, Sở Tư pháp đã ban hành Văn bản số 868/STP-XD&KTVB lấy ý kiến tham gia của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; UBND các huyện, thành phố và Hiệp Hội Doanh nghiệp tỉnh đồng thời đăng tải dự thảo văn bản trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp để lấy ý kiến tham gia của nhân dân. Tính đến hết ngày 20/7/2017, Sở Tư pháp đã nhận được ... văn bản tham gia của 27 cơ quan, đơn vị liên quan, kết quả .../27 cơ quan tham gia đều nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết.

- Tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định, hoàn chỉnh nội dung dự thảo Nghị quyết.

III. BỐ CỤC, NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Dự thảo Nghị quyết được bố cục thành 03 điều, cụ thể như sau:

- Điều 1: Quy định việc bãi bỏ 13 Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

- Điều 2: Tổ chức thực hiện, trong đó Nghị quyết giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; Giao Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và Đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

- Điều 3: Điều khoản thi hành, quy định hiệu lực của văn bản.

IV. NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU: Không có.

Vậy, Sở Tư pháp kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành, để UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh ban hành./.

Hồ sơ gửi kèm theo Tờ trình gồm có

(1) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành (bản giấy);

(2) Báo cáo số .../BC-STP ngày... tháng... năm 2017 của Sở Tư pháp về kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành (bản giấy);

(3) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý, thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết (bản giấy);

(4) Các tài liệu liên quan (bản điện tử) gồm:

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (để trình);*
 - Lãnh đạo Sở;*
 - Lưu VT-XD&KTVB.*
- Thành.3b.*

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thục

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2017

Số: /2017/NQ-HĐND

(DỰ THẢO)

NGHỊ QUYẾT

**Về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do
Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày .. tháng ... năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày ... tháng ... năm ... của Ban Pháp chế, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bãi bỏ 13 Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành, gồm:

1. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa 13 kỳ họp bất thường (họp từ ngày từ ngày 21 đến ngày 23 tháng 4 năm 1994) Về việc để lại quỹ đất nông nghiệp dành cho nhu cầu công ích xã.

2. Nghị quyết số 28/NQ-HĐND₁₅ ngày 31/8/2000 Về việc bán xi măng trả chậm hỗ trợ nông dân các xã đặc biệt khó khăn làm nhà ở; cấp xi măng hỗ trợ xây dựng giao thông nông thôn.

3. Nghị quyết số 03/2007/NQ-HĐND ngày 17/7/2007 Về quy hoạch xây dựng và phát triển thủy lợi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2006 - 2010, định hướng đến năm 2020.

4. Nghị quyết số 12/2012/NQ-HĐND ngày 12/12/2012 Về việc điều chỉnh Quy hoạch xây dựng và phát triển thủy lợi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2006 - 2010, định hướng đến năm 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2007/NQ-HĐND ngày 17/7/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Nghị quyết số 06/2007/NQ-HĐND ngày 17/07/2007 Về chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

6. Nghị quyết số 45/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 Về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 06/2007/NQ-HĐND ngày 17/7/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI về chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

7. Nghị quyết số 11/2009/NQ-HĐND ngày 23/7/2009 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

8. Nghị quyết số 10/2010/NQ-HĐND ngày 21/7/2010 Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

9. Nghị quyết số 41/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 Về việc quy định tỷ lệ thu lệ phí trước bạ đối với xe ô tô dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

10. Nghị quyết số 42/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

11. Nghị quyết số 49/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 Về việc ban hành quy định về cơ chế chính sách khuyến khích, ưu đãi cho phát triển vận tải khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

12. Nghị quyết số 24/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 Về việc Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

13. Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 12/7/2016 Về việc sửa đổi mức thu tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, đối tượng thu,

chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày ... tháng ... năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm/.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Giao thông Vận tải;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Chuyên viên Văn phòng HĐND tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sơn

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 245/TNMT-CCBVM

V/v: đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Tuyên Quang, ngày 11 tháng 10 năm 2017

SỞ TƯ PHÁP T. TUYÊN QUANG

Ngày 13-10-2017

CÔNG VĂN ĐẾN số: 4484

Kính gửi: Sở Tư pháp Tuyên Quang.

Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ tờ trình số 56/TTr-UBND ngày 18/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện công tác soạn thảo Nghị quyết và tổ chức lấy ý kiến các ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, một số đơn vị hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Tiếp thu các ý kiến, chỉnh lý dự thảo Nghị Quyết và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của ngành; cổng thông tin điện tử của tỉnh. Để đảm bảo đúng trình tự ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình theo quy định tại Điều 121 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Sở Tài nguyên và Môi trường trân trọng gửi Sở Tư pháp hồ sơ thẩm định gồm:

- Tờ trình Ủy ban nhân dân về dự thảo Nghị quyết;
- Dự thảo Nghị Quyết;
- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức;
- Bản chụp ý kiến góp ý.

Sở Tài nguyên và Môi trường trân trọng đề nghị Sở Tư pháp thẩm định đề cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết trình UBND tỉnh theo quy định.

Sở Tài nguyên và Môi trường trân trọng đề nghị và mong nhận được sự quan tâm của Quý Sở./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Như kính gửi (thẩm định);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, CCBVMT.

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Chiến

Số: /TT-STNMT

Tuyên Quang, ngày tháng 10 năm 2017

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Sở Tài nguyên và Môi trường kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Ngày 15/7/2015 Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, trong đó có phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, căn cứ pháp lý chính để ban hành Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND là Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 28/8/2011 của Chính phủ Quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Ngày 19/02/2016 Chính phủ ban hành Nghị định số 12/2016/NĐ-CP về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (*thay thế Nghị định số 74/2011/NĐ-CP*), tại Điều 4 quy định "*Căn cứ mức phí quy định tại Biểu khung mức phí ban hành kèm theo Nghị định này, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) quyết định cụ thể mức thu phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản áp dụng tại địa phương cho phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ*". Căn cứ Nghị định số 12/2016/NĐ-CP, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 12/07/2016 về việc sửa đổi mức thu tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Nghị Quyết số 32/2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015, theo đó sửa đổi mức thu phí đối với 02 hoạt động khai thác khoáng sản (khai thác fenspat từ mức 70.000đ/m³ xuống 7.000đ/m³ và khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường từ mức 3.000đ/m³ lên 5.000đ/m³).

Thực hiện Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND, từ tháng 7 năm 2015 đến tháng 9 năm 2017 toàn tỉnh đã thực hiện thu 59.632.671.772 đồng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (Năm 2015: 26.883.479.867 đồng; năm 2016: 20.514.310.896 đồng; năm 2017: 12.234.881.009 đồng).

Ngày 24/12/2016 Chính phủ ban hành Nghị định số 164/2016/NĐ-CP Quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (*thay thế Nghị định số 12/2016/NĐ-CP*), trong đó phân cấp cho Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ mức phí quy định tại Biểu khung mức phí ban hành kèm theo Nghị định quyết định cụ thể mức thu phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản áp dụng tại địa phương cho phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ. Theo đó, căn cứ pháp lý chính để ban hành Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND đã có sự thay đổi. Bên cạnh đó, ngày 26/7/2017, Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND Ban hành Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, trong đó bãi bỏ Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: "*Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành, văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực*" và Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thì Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã hết hiệu lực thi hành, do đó việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

II. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO

1. Cơ sở pháp lý để soạn thảo, trình ban hành văn bản, gồm:

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;
- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;
- Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;
- Nghị định 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Ngoài ra, quá trình xây dựng dự thảo văn bản, Sở Tài nguyên và Môi trường có tham khảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân một số tỉnh, thành phố quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, như: Nghị quyết số: 21/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn; Nghị quyết số: 30/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái; Nghị Quyết số: 04/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ;

2. Tình hình soạn thảo

Sở Tài nguyên và Môi trường đã báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết, UBND tỉnh đã có Tờ trình số 56/TTr-UBND ngày 18/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sở Tài nguyên và Môi trường đã thành lập Tổ soạn thảo dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, tổ chức soạn thảo dự thảo văn bản, gửi văn bản lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan và doanh nghiệp khai thác khoáng sản, gồm: các sở, UBND các huyện, thành phố và một số Doanh nghiệp có hoạt động khai thác khoáng sản. Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổng hợp ý kiến tham gia, tổ chức nghiên cứu và tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết.

III. BỐ CỤC, NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Dự thảo văn bản được bố cục thành 03 điều, như sau:

1. Điều 1: Quy định về việc ban hành Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Khoản 1: Quy định về phạm vi điều chỉnh

- Khoản 2: Quy định về đối tượng áp dụng gồm 03 điểm, trong đó:

+ Điểm a: Quy định đối tượng nộp phí là tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác khoáng sản kim loại và khoáng sản không kim loại trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

+ Điểm b: Quy định đối tượng áp dụng là tổ chức có thẩm quyền thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

+ Điểm c: Quy định đối tượng áp dụng là các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Khoản 3: Quy định về mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

+ Các mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản bằng mức phí quy định tại Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND và bằng mức thu tối đa trong Biểu khung phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản ban hành kèm theo Nghị định 164/2016/NĐ-CP.

+ Mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản tận thu bằng 60% mức phí của loại khoáng sản tương ứng.

+ Đối với các loại khoáng sản không nằm trong danh mục biểu mức thu phí của dự thảo Nghị quyết nếu phát sinh hoạt động khai thác sẽ áp dụng mức phí tối đa theo quy định tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

- Khoản 4: Quy định về quản lý và sử dụng phí: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản được nộp 100% vào ngân sách địa phương để hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản theo Luật Bảo vệ môi trường và Luật Ngân sách nhà nước.

2. Điều 2: Quy định về trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết của UBND tỉnh.

3. Điều 3: Quy định về trách nhiệm của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

IV. NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU: Không.

Vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Hồ sơ gửi kèm Tờ trình gồm có:

(1) Dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(2) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để trình);
- Giám đốc; các PGĐ Sở;
- CC BVMT;
- Lưu VT..

GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2017/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2017

(DỰ THẢO)

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG KHÓA XVIII KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 26 tháng 3 năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản kim loại và khoáng sản không kim loại trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Tổ chức thu phí: Cơ quan thuế tỉnh Tuyên Quang.

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Mức thu phí:

a) Mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản như sau:

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
1	Quặng khoáng sản kim loại		
1.1	Quặng sắt	đồng/tấn	60.000
1.2	Quặng mangan	đồng/tấn	50.000
1.3	Quặng titan	đồng/tấn	70.000
1.4	Quặng vàng	đồng/tấn	270.000
1.5	Quặng thiếc	đồng/tấn	270.000
1.6	Quặng wolfram, antimon	đồng/tấn	50.000
1.7	Quặng chì, kẽm	đồng/tấn	270.000
1.8	Quặng đồng	đồng/tấn	60.000
1.9	Quặng thủy ngân	đồng/tấn	270.000
1.10	Quặng khoáng sản kim loại khác	đồng/tấn	30.000
2	Khoáng sản không kim loại		
2.1	Đá ốp lát, làm mỹ nghệ (granit, gabro, đá hoa...)	đồng/m ³	70.000
2.2	Đá Block	đồng/m ³	90.000

2.3	Quặng đá quý (thạch anh tinh thể,...)	đồng/tấn	70.000
2.4	Cao lanh, Fenspat	đồng/m ³	7.000
2.5	Sỏi, cuội, sạn	đồng/m ³	6.000
2.6	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	đồng/m ³	5.000
2.7	Các loại đá khác (đá làm xi măng, khoáng chất công nghiệp...)	đồng/tấn	3.000
2.8	Cát vàng	đồng/m ³	5.000
2.9	Các loại cát khác	đồng/m ³	4.000
2.10	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	đồng/m ³	2.000
2.11	Đất sét, đất sét làm gạch, ngói	đồng/m ³	2.000
2.12	Đất làm thạch cao	đồng/m ³	3.000
2.13	Các loại đất khác	đồng/m ³	2.000
2.14	graphit	đồng/Tấn	5.000
2.15	Dolomite, quartzite	đồng/tấn	30.000
2.16	Nước khoáng thiên nhiên	đồng/m ³	3.000
2.17	Thạch anh kỹ thuật	đồng/Tấn	30.000
2.18	Than các loại (than antraxit hầm lò, than antraxit lộ thiên, than khác)	đồng/tấn	10.000
2.19	Khoáng sản không kim loại khác	đồng/tấn	30.000

b) Các loại khoáng sản không có trong danh mục quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 1 Nghị quyết này, khi phát sinh trên địa bàn tỉnh thì áp dụng mức phí tối đa theo quy định tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

c) Mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản tận thu bằng 60% mức phí của loại khoáng sản tương ứng quy định tại điểm a và b khoản 3 Điều này.

4. Quản lý và sử dụng phí:

Nộp 100% vào ngân sách địa phương để hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản theo Luật Bảo vệ môi trường và Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày tháng năm 2017 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UB MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Công báo Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sơn

BẢN TỜNG HỢP Ý KIẾN THAM GIA

Dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (Kèm theo Tờ trình số: **X-TA-SY/NTM** ngày /10/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường)



TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU CỦA CƠ QUAN SOẠN THẢO	GHI CHÚ
1	Sở Tài chính	<p>- Đề nghị bổ sung xây dựng mức phí bảo vệ môi trường đối với Granite được quy định tại Nghị quyết 32/2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015</p>	<p>Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiếp thu và chỉnh sửa trong dự thảo Nghị quyết.</p>	<p>- Khoáng sản không kim loại "thạch anh kỹ thuật" và "graphit", với hai loại khoáng sản này hiện nay chưa có tổ chức, cá nhân nào xin phép khai thác đề nghị đưa vào biểu mức thu phí.</p> <p>- Còn khoáng sản không kim loại: cát trắng, sét chịu lửa, Mi-ca (Mica), Pi-rit (Pirite), phot-pho-rit (phosphorite), A-pa-tit (apatit), séc-păng-tin (secpentin), sericit. Trên đại bàn tỉnh hiện nay chưa phát hiện các loại khoáng sản này do vậy không đưa vào biểu mức thu</p>

		- Đề nghị làm rõ tên gọi của loại khoáng sản "đất làm cao lanh" / loại khoáng sản không kim loại được quy định trong Nghị quyết 32/2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh, tuy nhiên trong Nghị định 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ không có loại khoáng sản này nhưng lại có khoáng sản "đất làm thạch cao" đề nghị thống nhất tên gọi cho phù hợp quy định.	Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiếp thu và chỉnh sửa trong dự thảo với tên "đất làm thạch cao"	Tên gọi "đất làm thạch cao" được quy định cụ thể trong biểu khung mức thu cầu Nghị định 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ
2	Cục thuế tỉnh	Nhất trí như dự thảo văn bản		
3	Sở Xây dựng	Nhất trí như dự thảo văn bản		
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Nhất trí như dự thảo văn bản		
5	Sở Công thương	Nhất trí như dự thảo văn bản		
6	UBND thành phố Tuyên Quang	Nhất trí như dự thảo văn bản		
7	UBND huyện Hàm Yên	Nhất trí như dự thảo văn bản		
8	UBND huyện Yên Sơn	Nhất trí như dự thảo văn bản		
9	UBND huyện Lâm Bình	Nhất trí như dự thảo văn bản		
10	UBND huyện Na Hang	Nhất trí như dự thảo văn bản		
1,1	UBND huyện Chiêm Hóa	Nhất trí như dự thảo văn bản		
12	UBND huyện Sơn Dương	Nhất trí như dự thảo văn bản		
13	Công ty Cổ phần Prime Hào Phú	Nhất trí như dự thảo văn bản		

14	Công ty cổ phần khoáng sản Bảo Âu	Nhất trí như dự thảo văn bản		
15	Công ty Công ty Gang thép Tuyên Quang	Nhất trí như dự thảo văn bản		
16	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thanh Giang	Nhất trí như dự thảo văn bản		

**BIỂU SO SÁNH MỨC THU PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TRONG DỰ
THẢO NGHỊ QUYẾT VỚI MỨC THU PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
CỦA MỘT SỐ TỈNH TRONG KHU VỰC**



(Kèm theo Tờ trình số **TT-STRAT** ngày

tháng 10 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

TT	Tên, loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu trong dự thảo Nghị quyết	So sánh mức thu với một số tỉnh trong khu vực			Ghi chú
				Tỉnh Phú Thọ (NQ Số: 04/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017	Tỉnh Bắc Kạn (NQ số: 21/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017	Tỉnh Yên Bái (NQ số: 30/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017	
I							
Quặng khoáng sản kim loại							
1.1	Quặng sắt	đồng/tấn	60.000	60.000	50.000	60.000	
1.2	Quặng mangan	đồng/tấn	50.000	50.000	40.000	50.000	
1.3	Quặng titan	đồng/tấn	70.000	70.000	-	70.000	Bắc Kạn không quy định
1.4	Quặng vàng	đồng/tấn	270.000	270.000	270.000	270.000	

1.5	Quặng thiếc	đồng/tấn	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	
1.6	Quặng wolfram, antimon	đồng/tấn	50.000	50.000	40.000	50.000	40.000	50.000	50.000	
1.7	Quặng chì, kẽm	đồng/tấn	270.000	270.000	220.000	270.000	220.000	270.000	270.000	
1.8	Quặng đồng	đồng/tấn	60.000	60.000	50.000	60.000	50.000	60.000	60.000	
1.9	Quặng thủy ngân	đồng/tấn	270.000	270.000	-	270.000	-	270.000	270.000	Bắc Kạn không quy định
1.10	Quặng khoáng sản kim loại khác	đồng/tấn	30.000	30.000	25.000	30.000	25.000	30.000	30.000	
II	Khoáng sản không kim loại									
2.1	Đá ốp lát, làm mỹ nghệ (granit, gabro, đá hoa...)	đồng/m ³	70.000	70.000	60.000	70.000	60.000	70.000	70.000	
2.2	Đá Block	đồng/m ³	90.000	90.000	70.000	90.000	70.000	90.000	90.000	
2.3	Quặng đá quý (thạch anh tinh thể,...)	đồng/tấn	70.000	70.000	-	70.000	-	70.000	70.000	Bắc Kạn không quy định
2.4	Cao lanh, Fenspat	đồng/m ³	7.000	7.000	-	7.000	-	7.000	7.000	Bắc Kạn không quy định
2.5	Sỏi, cuội, sạn	đồng/m ³	6.000	6.000	5.000	6.000	5.000	6.000	6.000	
2.6	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	đồng/m ³	5.000	5.000	3.000	5.000	3.000	5.000	5.000	

2.7	Các loại đá khác (đá làm xi măng, khoáng chất công nghiệp...)	đòng/tấn	3.000	3.000	2.000	3.000	
2.8	Cát vàng	đòng/m ³	5.000	5.000	4.000	5.000	
2.9	Các loại cát khác	đòng/m ³	4.000	4.000	-	4.000	Bắc Kạn không quy định
2.10	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	đòng/m ³	2.000	2.000	1.500	2.000	
2.11	Đất sét, đất sét làm gạch, ngói	đòng/m ³	2.000	2.000	2.000	2.000	
2.12	Đất làm thạch cao	đòng/m ³	3.000	3.000	-	3.000	Bắc Kạn không quy định
2.13	Các loại đất khác	đòng/m ³	2.000	2.000	1.500	2.000	
2.14	graphit	Đòng/Tấn	5.000	5.000	-	-	Bắc Kạn, Yên Bái không quy định
2.15	Dolomite, quartzite	đòng/tấn	30.000	30.000	-	30.000	Bắc Kạn không quy định
2.16	Nước khoáng thiên nhiên	đòng/m ³	3.000	3.000	2.500	3.000	
2.17	Thạch anh kỹ thuật	Đòng/Tấn	30.000	30.000	-	30.000	Bắc Kạn không quy định

2.18	Than các loại (than antraxit hãm lò, than antraxit lộ thiên, than khác)	đồng/tấn	10.000	10.000	-	10.000	Bắc Kạn không quy định
2.19	Khoáng sản không kim loại khác	đồng/tấn	30.000	30.000	-	30.000	Bắc Kạn không quy định

Chú thích: ký hiệu " - " : không quy định trong biểu khung mức thu.

- Các tỉnh: Phú Thọ, Yên Bái đã ban hành Nghị quyết quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Phí và lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Các tỉnh: Yên Bái, Phú Thọ đã ban hành Nghị quyết trong đó quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Phí và lệ phí năm 2015; Thông tư số 250/2016/TT-BTC với mức thu bằng với mức tối đa của Nghị định số 164/2016/NĐ-CP.

- Các tỉnh: Bắc Kạn quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản đối với quặng vàng và quặng thiếc bằng mức tối đa của Nghị định số 164/2016/NĐ-CP; còn lại các loại khoáng sản khác quy định mức thu thấp hơn mức tối đa của Nghị định số 164/2016/NĐ-CP, nhưng cũng cao hơn mức trung bình của biểu khung mức phí của Nghị định số 164/2016/NĐ-CP.

**BIỂU MỨC PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
TRONG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỐ VỚI MỨC THU PHÍ ĐƯỢC QUY ĐỊNH
CỦA NGHỊ ĐỊNH 164/2016/NĐ-CP VÀ NGHỊ QUYẾT 32/2015/NQ-HĐND**



(Kèm theo Tờ trình Số 177/TTr-VN-STNMT ngày tháng 10 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)			So sánh mức thu tăng, giảm
			Nghị Định 164/2016/NĐ-CP	NQ 32/2015/NQ- HĐND	Dự thảo Nghị quyết	
I						
Quặng khoáng sản kim loại						
1.1	Quặng sắt	đồng/tấn	40.000-60.000	60.000	60.000	Giữ nguyên mức thu theo Nghị quyết 32/2015/NQ-HĐND
1.2	Quặng mangan	đồng/tấn	30.000-50.000	50.000	50.000	
1.3	Quặng titan	đồng/tấn	50.000-70.000	70.000	70.000	
1.4	Quặng vàng	đồng/tấn	180.000-270.000	270.000	270.000	
1.5	Quặng thiếc	đồng/tấn	180.000-270.000	270.000	270.000	
1.6	Quặng wolfram, antimon	đồng/tấn	30.000-50.000	50.000	50.000	
1.7	Quặng chì, kẽm	đồng/tấn	180.000-270.000	270.000	270.000	
1.8	Quặng đồng	đồng/tấn	35.000-60.000	60.000	60.000	
1.9	Quặng thủy ngân	đồng/tấn	180.000-270.000	270.000	270.000	
1.10	Quặng khoáng sản kim loại khác	đồng/tấn	20.000-30.000	30.000	30.000	
II						
Khoáng sản không kim loại						

2.1	Đá ốp lát, làm mỹ nghệ (granit, gabro, đá hoa...)	đồng/m ³	50.000-70.000	70.000	70.000	Giữ nguyên mức thu theo Nghị quyết 32/2015/NQ-HĐND	
2.2	Đá Block	đồng/m ³	60.000-90.000	90.000	90.000		
2.3	Quặng đá quý (thạch anh tinh thể,...)	đồng/tấn	50.000-70.000	70.000	70.000		
2.4	Cao lanh, Fenspat	đồng/m ³	5.000-7.000	7.000	7.000		
2.5	Sỏi, cuội, sạn	đồng/m ³	4.000-6.000	6.000	6.000		
2.6	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	đồng/m ³	1.000-5.000	5.000	5.000		
2.7	Các loại đá khác (đá làm xi măng, khoáng chất công nghiệp...)	đồng/tấn	1.000-3.000	3.000	3.000		Giữ nguyên mức thu theo Nghị quyết 32/2015/NQ-HĐND
2.8	Cát vàng	đồng/m ³	3.000-5.000	5.000	5.000		
2.9	Các loại cát khác	đồng/m ³	2.000-4.000	4.000	4.000		
2.10	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	đồng/m ³	1.000-2.000	2.000	2.000		
2.11	Đất sét, đất sét làm gạch, ngói	đồng/m ³	1.500-2.000	2.000	2.000		
2.12	Đất làm thạch cao	đồng/m ³	2.000-3.000	3.000	3.000		

2.13	Các loại đất khác	đồng/m ³	1.000-2.000	2.000	2.000	Đưa vào theo đề nghị của Sở Tài chính. với mức thu bằng với mức tối đa của Nghị định số 164/2016/NĐ-CP
2.14	graphit	Đồng/Tấn	3.000-5.000	-	5.000	
2.15	Dolomite, quartzite	đồng/tấn	20.000-30.000	30.000	30.000	Giữ nguyên mức thu theo Nghị quyết 32/2015/NQ-HĐND
2.16	Nước khoáng thiên nhiên	đồng/m ³	2.000-3.000	3.000	3.000	Giữ nguyên mức thu theo Nghị quyết 32/2015/NQ-HĐND
2.17	Thạch anh kỹ thuật	Đồng/Tấn	20.000-30.000	-	30.000	Đưa vào theo đề nghị của Sở Tài chính. với mức thu bằng với mức tối đa của Nghị định số 164/2016/NĐ-CP
2.18	Than các loại (than antraxit hằm lò, than antraxit lộ thiên, than khác)	đồng/tấn	6.000 -10.000	10.000	10.000	Giữ nguyên mức thu theo Nghị quyết 32/2015/NQ-HĐND
2.19	Khoáng sản không kim loại khác	đồng/tấn	20.000-30.000	30.000	30.000	

Chú thích: “-” chưa quy định mức thu trong NQ 32/2015/NQ-HĐND

Số: 56 /TTr-UBND

Tuyên Quang, ngày 18 tháng 8 năm 2017

TỜ TRÌNH

4379

21 8 17

Đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 Chính phủ ban hành quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản

Sau khi xem xét Tờ trình số 175/TTr-STNMT ngày 21/6/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Thực hiện Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 28/8/2011 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; Thông tư số 02/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngày 15/7/2015 Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, trong đó có phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 12/07/2016 về việc sửa đổi mức thu tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Nghị Quyết số 32/2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015). Đến nay, quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khoáng sản quy định tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh nêu trên không còn phù hợp với pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Theo Luật Phí và lệ phí năm 2015 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017), thì Hội đồng nhân dân tỉnh được phân cấp ban hành mức thu phí, lệ phí. Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí quy định “*phí, lệ phí có tên trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí chỉ được thu khi có văn bản quy định mức thu*”. Ngày 24/12/2016 Chính phủ ban hành Nghị định số 164/2016/NĐ-CP quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, tại khoản 4 Điều 4 quy định Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể mức thu phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản áp dụng tại địa phương cho phù hợp với thực tế. Tại khoản 4 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: “*Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành, văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực*”.

Căn cứ các quy định nêu trên, việc ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang để thực hiện thống nhất là rất cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

II. TÊN GỌI CỦA NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

Bảo đảm việc thi hành Luật Phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành, đồng thời tạo cơ sở pháp lý để thực hiện thống nhất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Phù hợp với quy định của Luật Phí và lệ phí, Luật Khoáng sản, Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Bảo đảm tính khả thi, phù hợp tình hình thực tế của tỉnh và tương đồng với các tỉnh lân cận trong khu vực.

IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

- Đối tượng thu phí: cơ quan thuế tỉnh Tuyên Quang.
- Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

V. NỘI DUNG CHÍNH CỦA NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Về nguồn nhân lực thực hiện: Do cán bộ, công chức của cơ quan thuế tỉnh Tuyên Quang, không làm phát sinh biên chế.
2. Về kinh phí thực hiện: Việc thực hiện Nghị quyết này không làm phát sinh kinh phí từ ngân sách nhà nước mà bổ sung cho nguồn thu của ngân sách địa phương.

VII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

1. Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết: Trong tháng 9/2017
2. Thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh trình HDND tỉnh: Tháng 11/2017.
3. Dự kiến thời gian Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua: Kỳ họp thứ 5 HDND tỉnh khóa XVIII.

VIII. CƠ QUAN CHỦ TRÌ, PHỐI HỢP SOẠN THẢO

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.
2. Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính; các Sở, ban, ngành; HDND, UBND các huyện, thành phố; các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan.

Ủy ban nhân dân tỉnh xin trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

Nơi nhận: 

- Như kính gửi;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu: VT (Huy, TH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Kim Dung

Số: 333/STC-QLNS

Tuyên Quang, ngày 16 tháng 4 năm 2017

V/v tham gia ý kiến về
mức thu phí bảo vệ môi trường
đối với khai thác khoáng sản

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về Bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Sau khi xem xét Văn bản số 312/STNMT-CCBVMT ngày 23/3/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện Nghị định 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ, Sở Tài chính có ý kiến như sau:

1. Về dự thảo mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản:

Sở Tài chính nhất trí với dự thảo mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, vì:

- Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản bằng mức thu phí quy định tại Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND ngày 15/07/2015, Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 12/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh và bằng mức thu tối đa quy định tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về Bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản. Mức thu này được thực hiện ổn định trong thời gian trước khi Luật phí và lệ phí có hiệu lực thi hành từ 01/01/2017. Trong quá trình tổ chức thực hiện, Sở Tài chính chưa nhận được ý kiến phản hồi của doanh nghiệp về mức thu phí cao, không phù hợp và đề nghị điều chỉnh. Mặt khác theo điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định: "*căn cứ mức thu phí, lệ phí hiện hành (nếu có) để là cơ sở đề xuất mức thu*".

- Về quy định điều hành ngân sách năm 2017: tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 27/2016/QH14 ngày 11/11/2016 của Quốc Hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2017 quy định: "*Hạn chế tối đa việc ban hành các chính sách mới làm giảm thu ngân sách nhà nước*". Theo đó Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2017 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017, trong đó điểm a khoản 2 Mục I, phần thứ nhất quy

định: "Hạn chế tối đa việc ban hành các chính sách mới làm giảm thu, trừ các cam kết quốc tế; không ban hành các chính sách, chế độ, chương trình, đề án làm tăng chi ngân sách nhà nước khi không cân đối được nguồn".


Như vậy mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản mà Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất là phù hợp.

2. Danh mục loại khoáng sản quy định mức phí bảo vệ môi trường

Sở Tài nguyên đề xuất mức thu phí bảo vệ môi trường đối với 10 loại quặng khoáng sản kim loại và 17 loại khoáng sản không kim loại, trong đó không xây dựng mức phí bảo vệ môi trường đối với Granite và đề xuất mức phí bảo vệ môi trường đối với than các loại bao gồm 3 loại: than antraxit hầm lò, than antraxit lộ thiên và than khác được quy định tại Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND ngày 15/07/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Không xây dựng mức thu đối với 5 loại khoáng sản không kim loại được quy định tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về Bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản: Cát trắng; Sét chịu lửa Mi-ca (mica), thạch anh kỹ thuật; Pi-rít (pirite), phốt-pho-rít (phosphorite); A-pa-tít (apatit), séc-păng-tin (secpentin), graphit, sericit.

Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường làm rõ tên gọi của loại khoáng sản: "Đất làm cao lanh", loại khoáng sản không kim loại này được quy định trong Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND ngày 15/07/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh, được cơ quan soạn thảo xây dựng mức thu trong Văn bản số 312/STNMT-CCBVMT ngày 23/3/2017, tuy nhiên trong Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về Bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản không có loại khoáng sản này nhưng có loại khoáng sản "Đất làm thạch cao", đề nghị cơ quan soạn thảo thống nhất tên gọi của loại khoáng sản trên cho phù hợp với quy định.

Sở Tài chính trân trọng có ý kiến gửi Sở Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận: 
- Như trên;
- Lưu: VT, QLNS.



Hoàng Văn Nhân

146
29/4/2017

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 515/UBND-TNMT

V/v thực hiện Nghị định số 164/2016/NĐ-CP TP. Tuyên Quang, ngày 21 tháng 4 năm 2017
ngày 24/12/2016 của Chính phủ

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Số: 2311
Ngày: 5.1.5.17

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Căn cứ nội dung Văn bản số 431/STNMT-CCBVMT ngày 18/4/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân thành phố có ý kiến như sau:


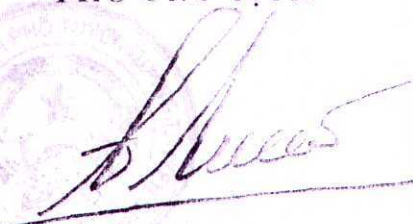
Nhất trí việc thực hiện mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giữ nguyên theo Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Ủy ban nhân dân thành phố trân trọng có ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi:
 - Thường trực Thành ủy
 - TT HĐND thành phố
 - Chủ tịch UBND thành phố
 - PCT UBND TP phụ trách khối:
 - CVP; PCVP HĐND và UBND thành phố;
 - Chuyên viên TNMT;
 - Lưu: VT, TNMT (L-10b).
- (Báo cáo):

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Quốc Chương

132
25/1/2017

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 341/UBND-TNMT

Chiêm Hóa, ngày 31 tháng 3 năm 2017

Về việc tham gia góp ý dự thảo về mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang

ĐƠN SỐ: 1758
Ngày 3.1.2017

Căn cứ Văn bản số 312/STNMT-CCBVMT ngày 23/3/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ.

Sau khi xem xét và nghiên cứu về Dự thảo "mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang".

Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa đồng ý với dự thảo "mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang" và không có ý kiến nào tham gia sửa đổi bổ sung.

Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa trân trọng có ý kiến.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch UBND huyện;
- PCT UBND huyện phụ trách khối;
- Phòng TN&MT;
- Chánh VP HĐND & UBND huyện;
- CVKE;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Đức Thuận

132
29/4/2017

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ XÂY DỰNG

Số: 241/SXD-KT&VLXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 3 năm 2017

V/v tham gia vào dự thảo mức thu
phí bảo vệ môi trường trên địa bàn
tỉnh Tuyên Quang

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về
phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Thực hiện Văn bản số 312/STNMT-CCBVMT ngày 23/3/2017 của Sở
Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện Nghị định số 164/2016/NĐ-CP
ngày 24/12/2016 của Chính phủ.

Sở Xây dựng có ý kiến như sau:

1. Sau khi xem xét Phụ lục mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác
khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang kèm theo Văn bản số 312/STNMT-
CCBVMT ngày 23/3/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường, đều nằm trong
khoảng quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản tại
Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ.

2. Nhất chí mức thu phí đề xuất tại biểu chi tiết kèm theo Văn bản số
312/STNMT-CCBVMT ngày 23/3/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Sở Xây dựng đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp ý kiến, báo cáo
Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KT&VLXD.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đặng Thế Hùng

B1
99/4/2017

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **387** /UBND-TNMT

Hàm Yên, ngày **31** tháng 3 năm 2017

V/v tham gia ý kiến về mức thu phí
bảo vệ môi trường trong khai thác
khoáng sản

STP số: 1709
4.4.18

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang

Thực hiện Văn bản số 312/STNMT-CCBVMT ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang, về việc thực hiện Nghị định 164/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ,

Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên có ý kiến như sau:

Nhất trí với mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản theo mức thu dự kiến đề xuất tại Văn bản số 312/STNMT-CCBVMT ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Ủy ban nhân dân huyện không tham gia ý kiến gì thêm.

Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên trân trọng có ý kiến. /*đx*

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Huyện uỷ;
- TT. HĐND huyện; | báo cáo
- Chủ tịch UBND huyện;
- Các PCT UBND huyện;
- Văn phòng HĐND và UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu: VT-UBND. /*đx*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đỗ Đức Chiến

181
24/4/2017

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NA HANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 181 /UBND-TNMT

Về việc mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản

Na Hang, ngày 04 tháng 4 năm 2017

SỐ QUẢN LÝ
1819
S. 2017.4.1.18

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Văn bản số 312/STNMT-CCBVMT ngày 23/3/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ,

Sau khi nghiên cứu dự kiến mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kèm theo Văn bản số 312/STNMT-CCBVMT ngày 23/3/2017, Ủy ban nhân dân huyện Na Hang nhất trí với dự kiến mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản nêu trên.

Ủy ban nhân dân huyện Na Hang trân trọng tham gia ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Chánh, PCVP HĐND và UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu: VT, CV. *h*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Việt Hùng

136
29/4/2017

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **312** /CT- THNVDT

Tuyên Quang, ngày **27** tháng 3 năm 2017

V/v thực hiện Nghị định số 164/2016/NĐ-CP
ngày 24/12/2016 của Chính phủ

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Số: 1620
Ngày: 30.3.17

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

Cục Thuế tỉnh Tuyên Quang nhận được Công văn số 312/STNMT-CCBVMT ngày 23, tháng 3 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ.

5

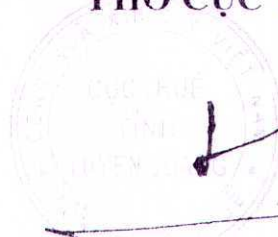
Sau khi nghiên cứu Biểu mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Cục Thuế tỉnh Tuyên Quang nhất trí với Biểu mức thu phí bảo vệ môi trường và không có ý kiến tham gia bổ sung.

Cục Thuế tỉnh Tuyên Quang gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT; THNVDT (Hg 05)

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



[Handwritten signature]

Trương Thế Hùng

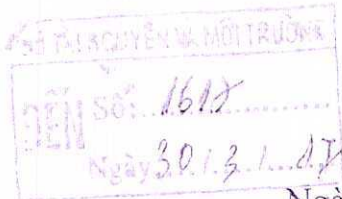
UBND TỈNH TUYỀN QUANG
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 287/SKH-KTN

V/v thực hiện Nghị định số 164/2016/NĐ-CP
ngày 24/12/2016 của Chính phủ

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 3 năm 2017




Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Ngày 24/3/2017, Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được Văn bản số 312/STNMT-CCBVMT ngày 23/3/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ.

Sau khi nghiên cứu, Sở Kế hoạch và Đầu tư nhất trí với đề xuất mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang do Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất.

Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

Nơi nhận: 
- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, KTN.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC




Trần Văn Lương

179
24/4/2017

UBND TỈNH TUYỀN QUANG
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *179* /SCT-KTATMT

Tuyên Quang, ngày *23* tháng 3 năm 2017

V/v tham gia ý kiến về mức thu phí
bảo vệ môi trường đối với khai thác
khoáng sản

1666
3.1.8

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Công Thương nhận được Văn bản số 312/STNMT-CCBVMT ngày 23/3/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc xin ý kiến về mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Sau khi nghiên cứu, Sở Công Thương nhất trí với biểu mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Trên đây là ý kiến của Sở Công Thương gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Giám đốc Sở: (báo cáo)
- Lưu: VT, KTAT-MT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hoàng Đức Tiến

140
28/4/2017

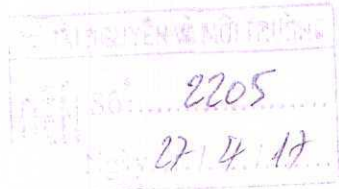
**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 604 /UBND-TNMT

Sơn Dương, ngày 24 tháng 4 năm 2017

Về tham gia ý kiến về mức thu phí
bảo vệ môi trường đối với khai thác
khoáng sản trên địa bàn tỉnh



Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang tại Văn bản số 312/STNMT-CCBVMT ngày 23/03/2017 về việc thực hiện Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ.

Sau khi xem xét mức thu dự kiến đề xuất về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương có ý kiến như sau:

Nhất trí giữ nguyên mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang tổng hợp theo quy định. / *LS*

Nơi nhận: *LS*

- Như kính gửi;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Chánh, PVPTH HĐND&UBND huyện;
- Phòng TNMT;
- CV THNLN;
- Lưu: VT, TNMT. 2

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nông Minh Hiền

**CÔNG TY
CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẢO ÂU**

Số: *35* /CV-BA

V/v: thực hiện Nghị định số 164/2016/NĐ-CP
ngày 24/12/2016 của Chính phủ.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 4 năm 2017

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường Tuyên Quang.

Căn cứ văn bản số 431/STNMT-CCBVMT ngày 18/4/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ,

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo, Công ty cổ phần Khoáng sản Bảo Âu nhất trí với mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Kính đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang xem xét, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết để Công ty có căn cứ thực hiện.

Công ty cổ phần khoáng sản Bảo Âu trân trọng có ý kiến.

Nơi nhận:
Nhu kính gửi.
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Đức tài

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ
THƯƠNG MẠI THANH GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30 /CV-CT
V/v thực hiện Nghị định số 164/2016/NĐ-CP
ngày 24/12/2016 của Chính phủ

Tuyên Quang, ngày 24 tháng 4 năm 2017

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ văn bản số 431/STNMT-CCBVMT ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo về mức thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Công ty TNHH xây dựng và thương mại Thanh Giang nhất trí với mức thu theo nội dung được đề xuất.

Công ty TNHH xây dựng và thương mại Thanh Giang trân trọng có ý kiến.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Đào Thiện Kế

**CÔNG TY TNHH GANG THÉP
TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 89 /CV-CT
Vv góp ý vào dự thảo Nghị quyết

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 4 năm 2017.

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

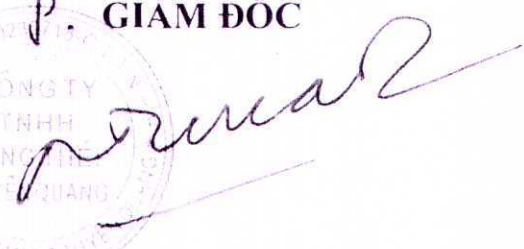

Ngày 20/4/2017 Công ty nhận được văn bản số 431/STNMT-CCBVMT ngày 18/4/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ,

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Sau khi xem xét dự thảo thì mức thu phí trong dự thảo Nghị quyết không thay đổi so với mức phí đang thực hiện, Công ty nhất trí với mức thu trong dự thảo Nghị quyết do Sở Tài nguyên và Môi trường soạn thảo.

Trên đây là ý kiến của Công ty về dự thảo Nghị quyết./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

P. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Minh Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME
HÀO PHÚ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *23* /CV-CT

Tuyên Quang, ngày 24 tháng 4 năm 2017

Vv thực hiện Nghị định số 164/2016/NĐ-CP
ngày 24/12/2016 của Chính phủ

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Căn cứ Văn bản số 431/STNMT-CCBVMT ngày 18/4/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ,

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh, chúng tôi thấy mức phí không thay đổi so với mức phí Công ty đang thực hiện, Công ty hoàn toàn nhất trí với dự thảo mức thu trong Nghị quyết.

Trên đây là ý kiến của Công ty cổ phần Prime Hào Phú đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Phạm Hồng Hà